

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/HS-ST

Ngày: 29-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Bà Vương Kim Tám.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lò Thị D, sinh ngày 20/9/1974, tại xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản T, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Lào; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn L, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Lò Thị P, sinh năm 1943 (đã chết); bị cáo có chồng thứ nhất là Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 (đã ly hôn năm 1996), có chồng thứ hai là Lò Văn P1, sinh năm 1986 và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2023, bị tạm giam từ ngày 24/12/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Có mặt.

2. Ngọc Thị C1, sinh ngày 18/01/1982, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngọc Văn C2, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị X, sinh năm 1960; bị cáo có chồng là Chu Văn Q, sinh năm 1973 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/02/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Chu Văn Q, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến đầu tháng 10/2023, D đã mua được 04 kg Lưu huỳnh và 02 kg các viên bi bằng chì với giá 100.000 đồng của một người đàn ông khoảng 45 tuổi không biết tên, địa chỉ và D liên lạc qua mạng xã hội Facebook mua nợ được 83 gói thuốc nổ giá 500.000 đồng của một người đàn ông dân tộc Lào, tên là “Bác Pong” bán hàng tạp hoá ở huyện P, tỉnh Luông Pha Bang, nước CHDCND Lào, mục đích để bán lẻ cho những người đi bắn chim và chữa bệnh ngứa cho trâu bò.

D biết Ngọc Thị C1, sinh năm 1982, trú tại bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thường xuyên sang Lào mua bán hàng hoá, D thoả thuận thuê Châm vận chuyển 83 gói thuốc nổ từ Lào về Việt Nam, tiền công là 300.000 đồng. Ngày 03/10/2023, C1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27N-122.53 xuất cảnh sang huyện P, tỉnh Luông Pha Bang, nước CHDCND Lào, theo chỉ dẫn của D, C1 đến quán bán hàng tạp hoá của người đàn ông dân tộc Lào, tên là “Bác P2” nhận thuốc nổ vận chuyển về Việt Nam, nhưng không gặp. Sau đó, C1 mua bán hàng hoá rồi nhập cảnh về Việt Nam qua cửa khẩu H1 thuộc xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trong ngày. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi C1 điều khiển xe mô tô đi về đến ngã 3 đường đi cửa khẩu H1 và đường đi tỉnh Sơn La, cách Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ khoảng 01 km thì gặp vợ chồng “Bác P2” đang đi bộ. Châm trao đổi việc D nhờ nhận thuốc nổ vận chuyển về cho D, người phụ nữ đó đã lấy trong ba lô một túi bóng màu xanh, bên trong có 02 hộp nhựa màu trắng giao cho C1 và nói đó là thuốc nổ của Lò Thị D, C1 nhận và cất giấu vào bao tải đựng nắm ngọc cầu để trước yên xe mô tô, vận chuyển về giao cho D và nhận 300.000 đồng tiền công. C1 nói với D, vận chuyển thuốc nổ là nguy hiểm nên xin thêm 100.000 đồng, D đồng ý, khoảng một tuần sau D đưa 100.000 đồng cho C1. Sau đó D cất giấu số thuốc nổ, lưu huỳnh, các viên bi bằng chì ở góc nhà kho trong gầm nhà sàn nhà D. Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 14/12/2023, D đã bán cho một người đàn ông khoảng 35 tuổi không biết tên, địa chỉ 02 gói thuốc nổ và 350 gam các viên bi bằng chì với giá 100.000 đồng. Ngày 16/12/2023, khi D đang cầm 02 gói thuốc nổ và các viên bi bằng chì mang ra bán, thì bị Cơ quan Công an tỉnh Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ 02 gói thuốc nổ đen, một túi bóng đựng các viên bi bằng chì. Qua khám xét nơi ở của D thu giữ 79 gói thuốc nổ đen, một gói lưu huỳnh, 01 túi bóng đựng các viên bi bằng chì. Tổng khối lượng Thuốc nổ đen là 3,44 kg; Lưu huỳnh 3,24 kg và 0,98 kg các viên bi bằng chì.

Tại bản Kết luận giám định số: 9322/KL-KTHS ngày 18/12/2023 của V - Bộ C4 kết luận:

- 81 (tám mươi một) gói chất bột màu đen (mẫu 1) là thuốc nổ đen, khối lượng là 3,44 kg (ba phẩy bốn mươi bốn kilôgam). Thuốc nổ đen thuộc nhóm vật liệu nổ, thường được dùng để làm liều phóng cho các loại đạn tự chế.

- 01 (một) túi chất bột màu vàng (mẫu 2) là S (lưu huỳnh), khối lượng là 3,24 kg (ba phẩy hai mươi bốn kilôgam), thường được dùng làm nguyên liệu trực tiếp để sản xuất thuốc nổ.

- Các viên kim loại màu đen (mẫu 3) là các viên bi bằng Pb (chì), khối lượng là 0,98 kg (không phẩy chín mươi tám kilôgam), thường được nhồi trong các loại đạn tự chế.

Tại bản Cáo trạng số: 35/CT-VKS-P1 ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Lò Thị D để xét xử về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự và truy tố Ngọc Thị C1 để xét xử về tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Thị D mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngọc Thị C1 mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với hai bị cáo Lò Thị D và Ngọc Thị C1.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 305 đối với các bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

* *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước*: Tiền Việt Nam 400.000 đồng; 01 điện thoại di động cảm ứng màu đỏ, nhãn hiệu OPPO đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim Viettel số 0355.856.158; ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh bạc, biển kiểm soát 27N1-122.53.

* *Tịch thu tiêu hủy*: 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Ngọc Thị C1.

* *Trả lại cho bị cáo Lò Thị D*: Số tiền 100.000 đồng.

* *Trả lại cho ông Chu Văn Q:* ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh bạc, biển kiểm soát 27N1-122.53.

* *Tịch thu và giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ tiêu hủy:* 81 (tám mươi một) gói thuốc nổ đen có khối lượng 3,44 kg; 01 túi chất bột màu vàng là S (lưu huỳnh) khối lượng 3,24 kg; các viên kim loại màu đen là P3 (Chì) khối lượng 0,98 kg.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Thị D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ngọc Thị C1.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và không tranh luận với Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm được về với gia đình.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn Q trình bày chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh bạc, biển kiểm soát 27N1-122.53 là tài sản chung của ông và bị cáo C1, xe máy được mua bằng tiền tiết kiệm của hai vợ chồng năm 2015, xe mang tên vợ Ngọc Thị C1. Khi vợ ông lấy xe máy đi vận chuyển trái phép vật liệu nổ thì ông không biết. Ông Q xin Hội đồng xét xử trả lại cho gia đình ông chiếc xe máy trên để làm phương tiện đi lại, phục vụ cho sinh hoạt chung của gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lò Thị D, Ngọc Thị C1 đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến đầu tháng 10/2023, tại bản trung tâm, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên Lò Thị D đã thực hiện hành vi mua bán trái phép vật liệu nổ; Ngọc Thị C1 thực hiện hành vi vận chuyển trái phép vật liệu nổ cho Lò Thị D để lấy tiền công là 400.000 đồng, tổng số vật chứng mà các bị cáo mua bán, vận chuyển trái phép là 3,44 kg thuốc nổ đen. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 16/12/2023; phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, Kết luận giám định số 9322/KL-KTHS ngày 18/12/2023 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ xác định: Hành vi mua bán 3,44 kg thuốc nổ đen của bị cáo Lò Thị D đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo Điều 305 Bộ luật Hình sự. Hành vi vận chuyển 3,44 kg thuốc nổ đen của bị cáo Ngọc Thị C1 đã phạm vào tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” theo Điều 305 Bộ luật Hình sự

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Thị D về tội Mua bán trái phép vật liệu nổ và truy tố bị cáo Ngọc Thị C1 về tội Vận chuyển trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý vật liệu nổ của Nhà nước, gây mất an ninh, an toàn xã hội.

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án và hình phạt:

Trong vụ án có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo Lò Thị D là người chủ mưu, khởi xướng, Ngọc Thị C1 là người thực hiện và được D thuê vận chuyển thuốc nổ về cho D. Do đó cần xem xét đến vai trò của các bị cáo trong vụ án để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo Lò Thị D, Ngọc Thị C1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đều chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Lò Thị D đã tích cực giúp đỡ Cơ quan An ninh điều tra trong việc điều tra phát hiện một vụ án khác và có bố đẻ là ông Lò Văn L được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì. Bị cáo Ngọc Thị C1 có bố mẹ chồng là Chu Văn N và Nguyễn Thị H được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Do vậy, bị cáo Lò Thị D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Ngọc Thị C1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt như Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ để xem xét chấp nhận; Vì các bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, lần đầu tiên vi phạm pháp luật nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 305 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000

đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm 05 năm”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy nghề nghiệp của các bị cáo lao động tự do và làm nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Đ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 81 (tám mươi một) gói thuốc nổ đen có khối lượng 3,44 kg; 01 túi chất bột màu vàng là S (lưu huỳnh) khối lượng 3,24 kg; các viên kim loại màu đen là P3 (Chì) khối lượng 0,98 kg, Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng liên quan đến vụ án, cho nên cần tịch thu và giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ xử lý số vật liệu nổ này theo quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong có lắp sim Viettel số 0355.856.158, bị cáo Ngọc Thị C1 sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 27N1-122.53, mang tên Ngọc Thị C1, do bị cáo C1 sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng xét thấy đây là tài sản chung của hai vợ chồng, theo quy định của pháp luật sẽ tịch thu sung ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại cho chồng bị cáo là Chu Văn Q $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy trên.

- Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của Lò Thị D là tiền D bán thuốc nổ mà có và số tiền 400.000 đồng thu giữ của Ngọc Thị C1 là tiền công vận chuyển thuốc nổ mà D trả cho C1, đây là tiền các bị cáo do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Ngọc Thị C1.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Thị D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ngọc Thị C1 do bị cáo C1 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 433/QĐ-UBND

ngày 18/6/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 – 2025).

[8] Về các vấn đề khác:

Trong hồ sơ vụ án thể hiện, D khai bán cho một người đàn ông không biết tên và địa chỉ 02 gói thuốc nổ đen vào ngày 14/12/2023, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ để buộc Lò Thị D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 02 gói thuốc nổ đen. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Đối với người đàn ông dân tộc Lào tên là “Bác Pong”, do bị cáo D không biết rõ nhân thân, lai lịch, cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lò Thị D** phạm tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”. Bị cáo **Ngọc Thị C1** phạm tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Lò Thị D 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là **48 (bốn mươi tám) tháng**, kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/5/2024).

- Tuyên trả tự do cho bị cáo **Lò Thị D** tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Giao bị cáo **Lò Thị D** cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo **Lò Thị D** có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát giáo dục bị cáo **Lò Thị D**.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo **Lò Thị D** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc **Lò Thị D** phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho **Lò Thị D** hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **Lò Thị D**.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Ngọc Thị C1 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là **48 (bốn mươi tám) tháng**, kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/5/2024).

- Tuyên trả tự do cho bị cáo **Ngọc Thị C1** tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Giao bị cáo Ngọc Thị C1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Ngọc Thị C1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát giáo dục bị cáo Ngọc Thị C1.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Ngọc thị C3 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Ngọc Thị C1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho Ngọc Thị C1 hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ngọc Thị C1.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, BKS 27N1-122.53 mang tên Ngọc Thị C1.

*** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

- ½ giá trị chiếc xe máy biển kiểm soát: 27N1-122.53; nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE ALPHA, loại xe: Hai bánh từ 50 – 175cm³; màu sơn: Xanh bạc; Số máy JA39E3048452; Số khung RLHJA3922PY431684; Dung tích xi lanh 109,1cm³, năm sản xuất 2023, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động cảm ứng màu đỏ, nhãn hiệu OPPO, đã cũ, đã qua sử dụng; bên trong điện thoại lắp 01 (một) sim Viettel số 0355.856.158, số IMEI 1: 866376041208718; số IMEI 2: 866376041208700.

- T đang lưu hành 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

*** Trả lại cho ông Chu Văn Q, sinh ngày 09/09/1973, địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên:**

- ½ giá trị chiếc xe máy biển kiểm soát: 27N1-122.53; nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE ALPHA, loại xe: Hai bánh từ 50 – 175cm³; màu sơn: Xanh bạc; Số máy JA39E3048452; Số khung RLHJA3922PY431684; Dung tích xi lanh 109,1cm³, năm sản xuất 2023, đã qua sử dụng.

(Tình trạng, đặc điểm theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 17/05/2024).

*** Tịch thu và giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ tiêu hủy:**

- 81 (tám mươi một) gói thuốc nổ đen có khối lượng 3,44 kg; 01 túi chất bột màu vàng là S (lưu huỳnh) khối lượng 3,24 kg; các viên kim loại màu đen là P3 (Chì) khối lượng 0,98 kg.

(Tình trạng, đặc điểm theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Đ và kho vật chứng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ ngày 27/12/2023).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Thị D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ngọc Thị C1.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của mình lên Tòa án cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I (TAND tối cao);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Khanh